

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-PT

Ngày: 24- 02- 2021

V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1955; *(có mặt)*

2. Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm: 1957; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp PM, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà C: ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm: 1945; *(có mặt)*

Địa chỉ: đường ADV, Ấp M, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Hoàng N, sinh năm: 1975;

2. Bà Hồ Thị Thu T2, sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ: ấp MP, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Tăng Thị Hồng H, sinh năm: 1955; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2019). *(có mặt)*

Địa chỉ: đường LTHG, Phường S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

2. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/01/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc C trình bày:

Năm 2014, ông được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 122, tờ số 16, diện tích 3.364,2 m² tọa lạc tại xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, thửa đất này có nguồn gốc của bà Đỗ Thị C (bà C là bà nội ruột của ông) quản lý từ năm 1960 đến năm 1975 thì giao lại cho ông canh tác.

Năm 2015 địa phương có chủ trương mở rộng đường nông thôn, sau khi hoàn thành đường mới ông N đã chiếm phần đất giáp đường của ông với diện tích 240m² (chiều ngang 3 mét, chiều dài 80 mét) để trồng chuối, ông cùng gia đình nhiều lần can ngăn nhưng không thành.

Khoảng tháng 8/2018 ông N và một số người trong gia đình ông N ngang nhiên chiếm phần đất nói trên bằng hành động hăm dọa rào cổng vào nhà ông với lý do lấy đất, trước sự phản ứng của gia đình ông, ông N không thực hiện việc rào cổng nhưng vẫn một mực cho rằng đây là đất của ông N và yêu cầu địa chính xã đến xác minh.

Ngày 05/9/2018 địa chính xã đến xác minh ranh đất nhưng ông N lớn tiếng với cán bộ và không cho đo đạc, trong thời gian này ông N tiếp tục trồng thêm 10 cây chuối và dừa xung quanh mặc cho gia đình ông can ngăn.

Ngày 28/9/2018 ông có gửi đơn đến UBND xã giải quyết với mong muốn là ông N phải di dời những cây chuối và dừa để trả lại phần đất cho ông

Ngày 31/11/2018 UBND xã hòa giải nhưng không thành, trong hòa giải Hội đồng hòa giải có gợi ý ông N trả lại 50% phần đất cho ông, nhưng ông không đồng ý.

Trước đây ông yêu cầu ông N và bà T2 phải trả cho ông diện tích 240m² tại thửa số 122, tờ số 16, ngay sau khi đo đạc thực tế ông yêu cầu vợ chồng ông N, bà T2 phải trả thêm 57,2m². Như vậy tổng diện tích ông yêu cầu là 297,2m² đất tọa lạc tại xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Đồng thời ông N, bà T2 phải di dời 20 cây chuối và 10 cây dừa ra khỏi phần đất nêu trên.

Theo đơn phản tố ngày 02/7/2019 và đơn phản tố bổ sung của bị đơn ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 và những lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của ông N, bà T2 là bà Tăng Thị Hồng H trình bày:

Phần đất vợ chồng ông T, bà C khởi kiện vợ chồng ông N và bà T2 lấn chiếm đất của gia đình ông để trồng chuối dừa là không đúng, phần đất này quyền sử dụng của gia đình ông N, bà T2 được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 286 ngày 22/4/1998, gồm thửa số 487, 488, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.350m².

Năm 2000 chính quyền địa phương có vận động hiến đất để làm đường nông thôn có chiều rộng là 3m chạy dài từ lộ lớn đến chùa MĐ con đường này chạy qua thửa đất của ông N, bà T2 tách ra 3 thửa mới.

Trong 3 thửa đất có thửa đất thứ nhất giáp với thửa đất của ông Nguyễn Thanh T (thửa đất này ông T đang kiện ông N cho rằng chiếm đất của ông để trồng chuối và dừa). Sau khi làm đường nông thôn xong cả 03 thửa đất mới này vợ chồng ông N vẫn canh tác ổn định từ trước cho đến nay. Còn phía ông T và bà C lúc chưa làm đường nông thôn cổng rào ra vào nhà ông T đi vào lối khác, từ khi đường nông thôn hình thành ông T tự mở cổng ra vào trên phần đất của ông N có chiều ngang 2m, vì nghĩ tình bà con nên gia đình ông N vẫn cho gia đình ông T đi nhờ, từ việc cho đi nhờ nên càng ngày ông T lấn tới, ông T trồng bông giấy có gai, sau đó chặt bỏ cành, ông T bỏ những cành cây đè lên các bụi chuối của ông N trồng ngày càng nhiều, sự việc này các chị em của ông N có đóng góp ý kiến và không cho gia đình ông T đi trên phần đất này nữa. Đến khi Tòa án mời ông N, bà T2 và thông báo việc khởi kiện của ông T và bà C cho rằng ông N chiếm đất của ông để trồng chuối, dừa thì ông N và bà T2 mới hay ông T lợi dụng kê khai khi Đoàn 301 của Trung ương đến đo và chỉ cả phần đất của ông N để hợp thức hóa phần đất của ông N thuộc quyền sử dụng của ông T.

Từ việc này bà với tư cách là người được ủy quyền có các ý kiến như sau:

- Ông T khởi kiện ông N, bà T2 nhưng ông T chỉ cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi năm 2014, vì sao ông T không cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó để cho thấy rõ hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới của ông T thay đổi như thế nào.

- Thửa đất của vợ chồng ông T tự làm hệ thống hàng rào bao bọc xung quanh thửa đất từ rất lâu đời, trên hàng rào còn trồng bông giấy có gai không có ai đi vào được và hiện nay hệ thống hàng rào của gia đình ông T vẫn còn nguyên, còn thửa đất ông T kiện vợ chồng ông N nằm ngoài hệ thống hàng rào của ông T.

- Khi triển khai làm lộ nông thôn (lộ chùa) đất của vợ chồng ông N, bà T2 bị ảnh hưởng, còn đất của ông T, bà C mới có cạnh giáp ranh với con lộ (ông N có cung cấp 02 bản đồ do địa chính xã in ra).

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N được cấp vào năm 1998 theo quyết định số 298 thì thửa đất ông T khởi kiện vợ chồng ông N chiếm đất thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông N.

Từ những lẽ nêu trên bà yêu cầu Tòa án giải quyết điều chỉnh một phần đất có diện tích 297.2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà C số CH 02831 do UBND huyện CT, tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2014 để trả lại đất cho vợ chồng ông N và bà T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 6,12,166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C về việc ông T, bà C yêu cầu ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 và gia đình phải di dời cây trồng gồm 20 cây chuối và 10 cây dừa trả lại cho vợ chồng ông bà phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích 297,2m² gồm các thửa 122-3, diện tích 231,6m²; thửa 122-5, diện tích 10,1m²; thửa 122-6, diện tích 55.5m² cùng tờ bản đồ số 16.

2. Chấp nhận phần yêu cầu phản tố của ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2 về việc yêu cầu điều chỉnh phần đất có diện tích 297,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ngọc C để trả lại cho ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2.

Phần đất của ông N bà T2 yêu cầu điều chỉnh có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Nông thôn (lộ chùa MĐ)
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của hộ ông Nguyễn Thanh T
- Hướng Nam giáp đất bà Đỗ Thị Hồng T3 (thửa 123)
- Hướng Bắc giáp đường Nông thôn

Kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giảm 297,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 212969 ngày 17/11/2014 của hộ ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ngọc C đứng tên tại thửa số 122, tờ 16 với tứ cận và diện tích nêu trên cho phù hợp. Đất tọa lạc tại xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất tranh chấp nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bị đơn ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 có yêu cầu phản tố yêu cầu điều chỉnh phần đất có diện tích 297,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thanh T để trả lại cho ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T là gồm những ai để đưa vào tham gia tố

tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, Tòa cấp sơ thẩm nhận định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn là không phù hợp với Công văn số 4567/UBND-NC ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện CT, diện tích có sự chênh lệch tăng khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do kết quả đo đạc qua 02 lần đo bằng phương pháp thủ công với đo đạc tọa độ bằng máy đo. Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất ông N hiến đất làm đường diện tích bao nhiêu để làm căn cứ giải quyết vụ án. Việc thu thập chứng cứ chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, giao hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 297,2m² thuộc một phần thửa 122 (ký hiệu 122-3, 122-5, 122-6), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn ông T, bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 phải di dời cây trồng, trả lại cho ông bà phần đất nêu trên. Bị đơn ông N, bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa 487, 488 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Hoàng N vào năm 1998 nên thuộc quyền sử dụng của ông bà.

[2] Đối với phần đất của hộ ông Nguyễn Thanh T: Ngày 18/4/1997 ông Nguyễn Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 485 diện tích 300m² và thửa 486 diện tích 2950m², tổng diện tích 3250m². Ngày 07/5/2011 ông T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất. Theo đó, thửa 485, 486 đổi thành thửa 122, tờ bản đồ 16 diện tích 3364,3m² tăng 114,3m². Ngày 11/11/2014 ông T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 122, tờ bản đồ số 16, diện tích 3364,3m².

[3] Đối với phần đất của hộ ông Đỗ Hoàng N: Ngày 22/4/1998, hộ ông Đỗ Hoàng N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 487, tờ bản đồ số

03, diện tích 300m² và thửa 488, tờ bản đồ số 03, diện tích 7050m², tổng diện tích 7350m². Ngày 7/5/2011 ông N, bà T2 có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tách thửa đất 488 thành thửa mới 155, tờ 16 diện tích 109,1m² và thửa 116, tờ 16 diện tích 320,9m². Ngày 01/7/2013, ông N tặng cho ông Đỗ Huyền T4 phần đất diện tích 4015,3m². Ngày 12/7/2013 ông T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 549, tờ bản đồ số 16 diện tích 4015,3m², diện tích thửa 487, 488 còn lại 3334,7m². Ngày 12/12/2014, ông N, bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 115 diện tích 109,1m², thửa 116 diện tích 320,9m²; diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2904,7m². Hiện tại ông N, bà T2 chưa thực hiện thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất đối với phần diện tích còn lại của thửa 488 và phần đất thuộc thửa 487 nhưng theo trích lục bản đồ địa chính phần đất này được ký hiệu thửa 121 diện tích 2406,3m².

[4] Theo chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trước đây thửa đất 485, 486 của hộ ông T và thửa đất 487, 488 của hộ ông N giáp ranh với nhau. Bị đơn cho rằng năm 2000 chính quyền địa phương vận động hiến đất làm đường nông thôn nên phần đất của bị đơn bị tách ra làm ba thửa, phần đất tranh chấp là phần đất thuộc thửa 487, 488 đã được cấp quyền sử dụng đất cho phía bị đơn từ năm 1998. Năm 2015, địa phương có chủ trương mở rộng đường nông thôn thì ông T bà C lấn chiếm phần đất này để làm đường đi, nhưng phía ông N bà T2 vẫn quản lý phần đất này từ trước đến nay. Nguyên đơn ông T, bà C thừa nhận đất hiện nay do phía bị đơn quản lý và trồng dừa, chuối nhưng cho rằng phần đất này là đất của ông bà. Xét thấy, sau khi đo đạc chính quy ông T, bà C đã làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 và đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, bà C thể hiện thửa 122 của nguyên đơn giáp đường nhựa nên việc bị đơn cho rằng sau khi mở rộng đường nông thôn vào năm 2015 ông T, bà C lấn chiếm phần đất của ông bà là không phù hợp.

[5] Phần đất của nguyên đơn sau khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chênh lệch tăng. Tuy nhiên, theo Công văn số 4567/UBND-NC ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện CT, diện tích có sự chênh lệch tăng khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do kết quả đo đạc qua 02 lần đo bằng phương pháp thủ công với đo đạc tọa độ bằng máy đo. Thửa đất của hộ ông N theo hồ sơ địa chính có diện tích 2406,3m² có giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1998, lúc này chưa có đường nông thôn, ông N thừa nhận gia đình ông

có hiến đất làm đường nông thôn năm 2000 nên việc chênh lệch diện tích chính là phần diện tích gia đình ông N đã hiến làm đường nông thôn.

Từ những nhận định trên có căn cứ để xác định, đường nông thôn được hình thành tại ranh đất của ông T và ông N. Phần đất làm đường nông thôn là phần đất của gia đình ông N đã hiến. Phần đất của ông T có một cạnh giáp ranh với đường nông thôn (lộ nhựa) vì vậy phần đất tranh chấp là phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T là phù hợp. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn được cấp đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu điều chỉnh phần đất có diện tích 297,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ngọc C để trả lại cho ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2.

[7] Ông T khởi kiện yêu cầu ông N, bà T2 phải di dời 20 cây chuối, 10 cây dừa ra khỏi phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, những cây trồng này không thể di dời vì việc di dời làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây. Mặt khác, khi ông N, bà T2 trồng cây trên đất ông T cho rằng có ngăn cản nhưng ông không cung cấp được chứng cứ minh nên cần buộc nguyên đơn phải hoàn trả lại cho bị đơn giá trị cây trồng theo giá hội đồng định giá đã định số tiền 3.040.000đồng.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C. Sửa Bản án sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT. Đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C được chấp nhận. Yêu cầu phản tố của ông N, bà T2 không được chấp nhận nên ông N, bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đồng

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T, bà C không phải chịu án phí. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 6,12,166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C.

Buộc ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 trả lại cho ông T, bà C phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 297,2m² gồm các thửa 122-3, diện tích 231,6m²; thửa 122-5, diện tích 10,1m²; thửa 122-6, diện tích 55,5m² cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 giá trị cây trồng trên đất số tiền 3.040.000đồng.

Ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C được quyền sở hữu cây trồng trên phần đất nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2 về việc yêu cầu điều chỉnh phần đất có diện tích 297,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ngọc C để trả lại cho ông Đỗ Hoàng N và bà Hồ Thị Thu T2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Hoàng N, bà Hồ Thị Thu T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số

tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003289 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ngọc C không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương